TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH TÂN** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 490/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 16/4/2018
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN E, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Ba

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lê Thị Tố Nữ
2. Bà Trần Thị Mỹ Hồng

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1879/2017/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2017 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm 1985
Địa chỉ: xã A, huyện B, Tỉnh Bình Định.
Tạm trú: Đường C, phường D, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Ông **Bùi Văn T**, sinh năm 1986
Địa chỉ: xã Tân Châu, huyện Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng.
Tạm trú: Đường C, phường D, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.
Nguyên đơn, bị đơn có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và biên bản hòa giải thì nguyên đơn Nguyễn Thị Thanh T trình bày: Bà và ông Bùi Văn T kết hôn vào năm 2010 theo giấy chứng nhận kết hôn số 37, quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, Tỉnh Bình Định cấp ngày 07/4/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, từ năm 2013 phát sinh mâu thuẫn do ông T thường hay đi nhậu về bạo hành đánh đập bà nhiều lần, gia đình và công an xã đã can thiệp

và ông T đã viết cam kết sẽ không bạo hành vợ nữa, bà đã cho ông T cơ hội nhưng ông T vẫn không thay đổi, không chịu đựng nổi sự đánh đập nên bà và con về nhà anh ruột của bà sống, vợ chồng ly thân từ tháng 12/2017 cho đến nay.

Thời gian chung sống vợ chồng có hai con chung tên Bùi Thị F, sinh ngày 20 tháng 7 năm 2011 và Bùi Thị G, sinh ngày 23 tháng 10 năm 2012. Tài sản chung và nợ chung không có. Nay bà không còn tình cảm với ông T nữa yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn. Con chung bà yêu cầu được nuôi và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn Bùi Văn T trình bày: Ông với bà T kết hôn với nhau vào năm 2010 chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình cả hai vợ chồng nóng nảy, không nhường nhịn nhau, kinh tế gia đình khó khăn, tinh thần suy sụp. Những lần vợ chồng mâu thuẫn ông đã có hành động không đúng với vợ, ông đã biết mình sai mong Tòa án hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ vì ông còn rất yêu thương vợ con. Ông không đồng ý ly hôn với vợ nhưng nếu phải ly hôn thì ông đồng ý giao hai con cho bà T nuôi dưỡng, ông sẽ cấp dưỡng tùy vào khả năng kinh tế của mình.

Vợ chồng chung sống có hai con chung tên Bùi Thị F, sinh ngày 20 tháng 7 năm 2011 và Bùi Thị G, sinh ngày 23 tháng 10 năm 2012. Tài sản chung và nợ chung không có.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông Bùi Văn T. Con chung yêu cầu được nuôi và không yêu cầu cấp dưỡng.

Bị đơn không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định đủ và đúng những người tham gia tố tụng, có xác minh thu thập chứng cứ, thông báo về phiên hòa giải, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vụ án đưa ra xét xử đảm bảo thời hạn theo quy định, về thời hạn giao hồ sơ và quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Viện kiểm sát đúng quy định, việc cấp tống đạt thực hiện đúng quy định.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: HĐXX đúng thành phần, thực hiện đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng theo quy định.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, 56 và Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của Nguyễn Thị Thanh T xin ly hôn với ông Bùi Văn T. Con chung giao cho bà T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Tài sản, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn. Bị đơn cư trú tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Bùi Văn T kết hôn vào năm 2010 theo giấy chứng nhận kết hôn số 37, quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, Tỉnh Bình Định cấp ngày 07/4/2010. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của bà T và ông T là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2013 phát sinh mâu thuẫn do ông T thường xuyên có hành vi bạo lực gia đình, nhậu về đánh đập bà T nhiều lần, không chịu đựng được bà T và con đã về nhà anh ruột sống. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 12/2017 đến nay. Nay bà T xác định không còn tình cảm với ông T nữa, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T. Xét yêu cầu của bà T là có cơ sở bởi lẽ, theo Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình" Bà T và ông T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, ông T lại có hành vi bạo lực gia đình.

Ông T không đồng ý ly hôn với bà T vì cho rằng còn thương vợ thương con, nhưng bà T không có tình cảm và không muốn chung sống với ông T nữa. Tại phiên tòa hôm nay ông T cũng xác định không còn tình cảm với bà T và cũng thừa nhận vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, những lúc cãi vã nóng giận ông không kiềm chế được đã đánh bà T, nhưng vì con nên ông không đồng ý ly hôn yêu cầu được đoàn tụ để lo tương lai cho con. Xét yêu cầu của ông T là không có cơ sở để chấp nhận bởi lẽ hạnh phúc gia đình phải được xây dựng trên cơ sở tình yêu thương của cả vợ và chồng, cả bà T và ông T đều xác định không còn tình cảm với nhau. Mặc khác, hành vi bạo lực gia đình của ông T đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe, tinh thần của bà T, làm cho hôn nhân giữa bà T và ông T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T là phù hợp.

Về con chung: Cả hai đương sự đều khai có hai con chung tên Bùi Thị F, sinh ngày 20 tháng 7 năm 2011 và Bùi Thị G, sinh ngày 23 tháng 10 năm 2012.

Bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Ông T cũng đồng ý giao con cho bà T nuôi và sẽ cấp dưỡng tùy theo khả năng. Xét yêu cầu của bà T là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa án chấp nhận, giao cho bà T được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng hai trẻ F và G. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Cả hai đương sự đều khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận E là phù hợp, có căn cứ nên chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn Nguyễn Thị Thanh T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với ông Bùi Văn T. Giấy chứng nhận kết hôn số 37, quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, Tỉnh Bình Định cấp ngày 07/4/2010 không còn giá trị.

2. Về con chung: Giao hai con chung tên Bùi Thị F, sinh ngày 20 tháng 7 năm 2011 và Bùi Thị G, sinh ngày 23 tháng 10 năm 2012 cho bà Nguyễn Thị Thanh T được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, không ai được cản trở quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con; việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0043177 ngày 28/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hánh án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q. Bình Tân;
- Chi cục THA.DS Q. Bình Tân;
- UBND nơi cấp GCN kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thu Ba